

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Vietnam

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP

Dong Thap Province's Public Security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

The traffic police Division

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Car Registration Certificate

Số (Number): **0 1 0 2 1 2**

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **66C-035.28** Số quản lý: **6601S-014424**
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)
Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (bán hàng lưu động)
Nhãn hiệu: (Mark) SUZUKI
Số loại: (Model code) CARRY ANLAC FS1
Số máy: (Engine Number) G16AID254931
Số khung: (Chassis Number) MHYGDN71TFJ401083
Năm, Nước sản xuất: 2015, Indonesia Niên hạn SD: 2040
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1435/1435 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)
Kích thước bao: (Overall Dimension) 4220 x 1700 x 2330 (mm)
Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension)
2180x1600x1500 (mm)
Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2625 (mm)
Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1520 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 300/300 (kg)
(Design/Authorized pay load)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1950/1950 (kg)
(Design/Authorized total mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng
Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 1590 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 68(kW)/5750vph
Số sê-ri: (No.) **DA-6264536** 48946E9A

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)
1: 2; 185R14
2: 2; 185R14

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 10 năm 2023

Số phiếu kiểm định (Issued on: Day/Month/Year)
(Inspection Report No) **6601S-25915/23**

Có hiệu lực đến hết ngày
(Valid until) **22/04/2024**

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DA 6264536